TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G** Bản án số: 15/2018/DS -ST Ngày: 24/7/2018 *V/v:* "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------★----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông ***Nguyễn Xuân H***
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà ***Nguyễn Thị C***
  2. Ông ***Lê Văn D***
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà ***Nguyễn Lê Hiền B*** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa:* Bà ***Lê Thị B*** - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 26/2018/TLST-DS ngày 23/3/2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXX- ST ngày 04 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông ***Võ Đình T***, sinh năm 1971
Và bà ***Nguyễn Thị S***, sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh G.
Có mặt tại phiên toà.

Bị đơn: Ông ***Phan Quốc T***, sinh năm 1973
Và bà ***Nguyễn Thị Thúy N***, sinh năm 1977 (Tên thường gọi: Nguyễn Thị N)
Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh G.
Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị S trình bày:

Vào ngày 09/12/2017 vợ chồng ông Phan Quốc T và bà Nguyễn Thị Thúy N (tên thường gọi Nguyễn Thị N) trú tại: thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh G có vay của vợ chồng ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị S số cà phê nhân là 4.616 kg (*Bốn ngàn sáu trăm*

mười sáu kilogram) quy ra thành tiền là 170.000.000 đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) hẹn đến tháng 02/2018 sẽ trả. Đến tháng 02/2018 ông T, bà N trả được 25.000.000 đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), số tiền còn lại 145.000.000 đ (*Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng)* mặc dù ông T, bà S có đến nhà đòi nhiều lần nhưng ông T, bà N vẫn cố tình không trả.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà N trả cho vợ chồng ông T, bà S tổng số tiền là 145.000.000 đ (*Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng)* vợ chồng ông T, bà S yêu cầu vợ chồng N, T trả tiền chứ không yêu cầu trả cà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Phan Quốc T và bà Nguyễn Thị Thúy N (Tên gọi khác: Nguyễn Thị N). Tuy nhiên, ông Phan Quốc T và bà Nguyễn Thị Thúy N không đến Tòa án để tham gia tố tụng, cũng như không đến Tòa án để tham gia phiên tòa. Do vậy, ông T, bà N không có lời khai tại hồ sơ và lời khai tại phiên tòa.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72, và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 463, 465, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn phải trả tổng số tiền 145.000.000 đ (*Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*) cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu ông Phan Quốc T và bà Nguyễn Thị Thúy N (tên gọi khác: Nguyễn Thị N) trả tiền vay còn nợ, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn ông Phan Quốc T và bà Nguyễn Thị Thúy N (Tên gọi khác: Nguyễn Thị N) có nơi cư trú tại thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh G; chỗ ở hiện nay: thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Đ có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Phan Quốc T và bà Nguyễn Thị Thúy N. Tuy nhiên, ông Phan Quốc T và bà Nguyễn Thị Thúy N không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa. Việc ông T, bà N không đến Tòa án là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phan Quốc T và bà Nguyễn Thị Thúy N.

[4] Về nội dung vụ án: Vào ngày 09/12/2017 vợ chồng ông Phan Quốc T và bà Nguyễn Thị Thúy N có mượn của vợ chồng ông T, bà S số cà phê nhân là 4.616 kg (*Bốn ngàn sáu trăm mười sáu kilogram*) quy ra thành tiền là 170.000.000 đ *(Một trăm bảy mươi triệu đồng)* hẹn đến tháng 02/2018 sẽ trả. Đến tháng 02/2018 ông T, bà N trả được 25.000.000 đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), số tiền còn lại 145.000.000 đ (*Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng)* mặc dù ông T, bà S có đến nhà đòi nhiều lần nhưng ông T, bà N vẫn cố tình không trả. Như vậy, số tiền mà ông T, bà N nợ của vợ chồng ông T, bà S là 145.000.000 đ (*Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng),* việc vay nợ hai bên có viết giấy nhận nợ.

Xét giao dịch mượn cà phê quy ra tiền nợ giữa vợ chồng ông T, bà S với vợ chồng ông T, bà N là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên và phù hợp với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Nhưng khi đến hạn trả nợ theo như thỏa thuận vợ chồng ông T, bà N là bên vi phạm, không thực hiện việc trả nợ theo như cam kết. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị S yêu cầu ông Phan Quốc T và bà Nguyễn Thị Thúy N phải trả số tiền còn nợ 145.000.000 đ (*Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng)*. Việc ông T, bà N không đến Tòa án là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Từ những nhận định trên thấy rằng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 145.000.000 đ (*Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng)* là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về lãi suất: nguyên đơn ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị S không yêu cầu tính lãi của khoản nợ vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị S được chấp nhận nên cần buộc bị đơn ông Phan Quốc T và bà Nguyễn Thị Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông T, bà S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 280; Điều 463; Điều 465; Điều 466; khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị S.

1. Buộc ông Phan Quốc T và bà Nguyễn Thị Thúy N (tên gọi khác: Nguyễn Thị N) liên đới trả cho ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị S số tiền 145.000.000 đ (*Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Phan Quốc T và bà Nguyễn Thị Thúy N phải nộp 7.250.000 đồng *(Bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông T, bà S số tiền 4.250.000 đồng *(Bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002551, ngày 23/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/7/2018 nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân 6 sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS Đ
- Các đương sự
- Lưu HS, AV, VT

Nguyễn Xuân H